TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST
Ngày: 23 – 6 – 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 473/2022/TB-TA, ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 255, ấp X 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Tú T, địa chỉ: Ấp X 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 24/10/2021 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày*:

Bà làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị Tú T là hụi viên tham gia 02 dây hụi mùa, sau khi hốt, bà T không đóng hụi chết cho bà, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 3.000.000 đồng, (bốn tháng khui 01 lần), mở ngày 20/4/2018 âm lịch, mãn ngày 20/12/2022 âm lịch, có 15 phần, bà T tham gia 01

phần, đóng hụi sống được 04 lần, đến lần thứ 05 bà T hốt (vụ ngày 20/8/2019 âm lịch). Sau khi hốt hụi, bà T không đóng hụi chết cho bà.

Dây 2: Hụi mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 25/12/2018 âm lịch, mãn ngày 25/8/2022 âm lịch, có 12 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 01 lần, đến lần thứ 02 bà T hốt (vụ ngày 25/4/2019 âm lịch). Bà T đóng hụi chết được 01 lần (vụ ngày 25/8/2020 âm lịch). Sau đó bà T không đóng hụi chết cho bà.

Ngày 30/9/2020 âm lịch, bà và bà T có làm giấy nhận nợ hụi thì bà T còn nợ bà 02 dây mùa nêu trên và những dây hụi tháng trước đây tổng cộng là 78.000.000 đồng. Bà T trả cho bà được 27.500.000 đồng, còn nợ lại 50.500.000 đồng (bà T có ký tên vào giấy nhận nợ), sau đó đến 01 lần hụi chết của 02 dây hụi mùa, nên bà T cộng vô thêm 6.000.000 đồng = 56.500.000 đồng và hứa trả cho bà mỗi tuần 400.000 đồng, nhưng bà T chỉ trả được 02 lần: một lần 300.000 đồng (ngày 01/10/2020 âm lịch) và một lần 200.000 đồng (ngày 10/10/2020 âm lịch). Như vậy, bà T còn nợ lại bà 56.000.000 đồng.

Tính đến vụ tháng 8/2021 âm lịch, bà T còn nợ bà 03 lần hụi chết (từ vụ tháng 12/2020 đến vụ tháng 8/2021 âm lịch) của 02 dây hụi nêu trên (thành tiền 3.000.000 đồng x 02 dây x 03 vụ = 18.000.000 đồng), bà T có gửi bà Chúc Ly (dì bà T) trả cho bà 300.000 đồng. Vì vậy, bà T còn nợ bà 17.700.000 đồng. Dây hụi 01 bà T còn nợ bà 04 lần hụi chết chưa đến hạn; dây hụi 2 bà T còn nợ bà 03 lần hụi chết chưa đến hạn. Tổng cộng bà T còn nợ bà 73.700.000 đồng.

Nay bà cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Tú T phải trả cho bà số tiền nợ hụi 73.700.000 đồng.

**Tại Tờ tường trình ngày 18/01/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Tú T trình bày:*

Vào khoảng tháng 11/2019, bà có làm giấy nợ hụi cho bà Trần Thị Đ tất cả những dây hụi tháng và hụi mùa (hụi chết) với tổng số tiền là 78.000.000 đồng (từ năm 2019 đến năm 2022). Sau đó, bà có làm giấy gửi trả trước 10.000.000 đồng và có thỏa thuận với bà Đ 78.000.000 đồng trừ 10.000.000 đồng đã trả, trừ 01 dây hụi mùa còn sống (bà Đ lấy) để trừ qua hụi chết. Như vậy, số tiền bà còn nợ bà Đ trong thời gian đó là 62.000.000 đồng. Bà đã gửi trả cho bà Đ từ năm 2019 đến tháng 12/2021 với tổng số tiền 37.750.000 đồng, chỉ còn thiếu bà Đ số tiền 24.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Tú T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết Hợp đồng góp hụi với nhau, theo các dây hụi mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Nguyên đơn cho rằng bị đơn có tham gia chơi hụi (theo các dây hụi nêu trên) và còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 73.700.000 đồng. Ngược lại, bị đơn thừa nhận có làm giấy nợ hụi cho nguyên đơn tất cả những dây hụi tháng và hụi mùa (hụi chết) với tổng số tiền 78.000.000 đồng, nhưng cho rằng khấu trừ qua lại và đã trả dần cho nguyên đơn từ năm 2019 đến tháng 12/2021 với số tiền 37.750.000 đồng, chỉ còn thiếu nguyên đơn số tiền hụi 24.250.000 đồng.

[4] Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là đúng sự thật, theo nội dung Công văn số 187/CV-TA, ngày 04/3/2022. Nhưng cho đến nay, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

[5] Tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;

Khoản 2: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó;

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[6] Vì vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 73.700.000 đồng, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi 73.700.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bà T phải chịu án phí có giá ngạch là 73.700.000 đồng x 5% = 3.685.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, buộc bà Nguyễn Thị Tú T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền hụi 73.700.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.840.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001436, ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc bà T phải chịu 3.685.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Vinh Thắng